

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 8 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thế Chiến;

2. Ông Vũ Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 98/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXX - ST ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1983; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh T1, sinh năm 1978; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 06/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày: Chị T và anh Trần Thanh T1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2006 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Quá trình chung sống, vợ chồng chị sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát nhau và từ năm 2013 cho đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh Trần Thanh T1, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung không thể tiếp tục nên chị T đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh T1.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc T2, sinh ngày 02/12/2007, từ khi hai vợ chồng sống ly thân năm 2013 cho đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con, anh Trần Thanh T1 không quan tâm đến con chung và cũng không gửi tiền nuôi con chung; chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T2 và không yêu cầu anh Trần Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có tình không tham gia tố tụng.*

Bị đơn vắng mặt nên không tiến hành tranh luận được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn chị Lưu Thị T, bị đơn anh Trần Thanh T1 là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, cho chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Trần Thanh T1.

Về con chung: Xét điều kiện, hoàn cảnh hiện nay chị Lưu Thị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Ngọc T2, sinh này 02/12/2007 nên cần giao cháu T2 cho chị Lưu Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lưu Thị T không yêu cầu anh Trần Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chi Lưu Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Thanh T 1. Đây là quan hệ “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn anh Trần Thanh T 1 cư trú tại: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Thanh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của anh Trần Thanh T 1 là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Trần Thanh T 1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2006 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn chị Lưu Thị T và anh Trần Thanh T1 chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng chị Lưu Thị T, anh Trần Thanh T 1 có mâu thuẫn, nguyên nhân là thường xuyên cãi vã nhau, anh chị đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Lưu Thị T và anh Trần Thanh T1 đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị T là phù hợp.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, chị Lưu Thị T và anh Trần Thanh T1 có 01 con chung là Trần Ngọc T2, sinh ngày 02/12/2007.

Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 từ khi chị Lưu Thị T và anh Trần Thanh T1 sống ly thân năm 2013 đến nay cháu T2 ở cùng chị T, đồng thời cháu T2 có nguyện vọng ở cùng mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị T, giao cho chị Lưu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Ngọc T 2, sinh ngày 02/12/2007 cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Lưu Thị T không yêu cầu bị đơn anh Trần Thanh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị T, chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Trần Thanh T1.

- Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Ngọc T2, sinh ngày 02/12/2007 cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lưu Thị T không yêu cầu anh Trần Thanh T 1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về án phí: Chị Lưu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana theo biên lai thu tiền số AA/2021/0015029 ngày 20 tháng 4 năm 2022.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa , có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Nhân Đạo;
- H. Đắc R'Lấp, T. Đắc Nông;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành